

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: BÁC SĨ THÚ Y

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CN02101: ĐỘNG VẬT HỌC (ZOOLOGY)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 2
- Tín chỉ: 3 (**Lý thuyết: 2 – Thực hành: 1 - Tự học: 9**)
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 22,5 tiết
 - + Thuyết trình và thảo luận trên lớp: 7,5 tiết
 - + Thực hành trong phòng thí nghiệm: 15 tiết
- Tự học: 135 tiết (theo kế hoạch cá nhân và hướng dẫn của giảng viên)
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Sinh học động vật
 - Khoa: Chăn nuôi
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần song hành: KHÔNG
- Học phần tiên quyết: Sinh học đại cương
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh Tiếng Việt

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo mà học phần đáp ứng

** Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:*

Chuẩn đầu ra của CTĐT Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
Kiến thức chuyên môn	
CĐR2. Áp dụng kiến thức thú y vào việc phòng chống dịch bệnh cho động vật một cách hiệu quả.	2.3. Áp dụng kiến thức thú y vào việc triển khai các chương trình phòng chống dịch bệnh cho động vật.
CĐR3. Áp dụng kiến thức thú y vào việc chẩn đoán, điều trị bệnh cho vật nuôi một cách hiệu quả.	3.1. Áp dụng kiến thức thú y vào việc Theo dõi sức khỏe vật nuôi 3.4. Áp dụng kiến thức thú y vào việc Nâng cao sức khỏe vật nuôi

Chuẩn đầu ra của CTĐT Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
Kỹ năng chung	
CĐR5. Vận dụng tư duy phân biệt và sáng tạo vào giải quyết các vấn đề một cách hiệu quả.	5.3. Vận dụng tư duy phân biệt và sáng tạo trong giải quyết vấn đề bao gồm nhận biết vấn đề, nhận biết khi nào và bằng cách nào thu thập thông tin, đánh giá và lựa chọn thông tin cần thiết cho việc giải quyết vấn đề.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR13. Thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường, nâng cao sức khỏe cho con người và thể hiện lòng yêu quý động vật.	13.1. Thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường, nâng cao sức khỏe cho con người thông qua công tác thú y

III. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của học phần

*** Mục tiêu:**

- Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cấu tạo, hoạt động sống, hệ thống phân loại và nguồn gốc tiến hóa của các ngành trong giới động vật. Người học được rèn luyện các kỹ năng giải phẫu, quan sát, phân tích các mẫu động vật.

- Học phần cũng giúp người học rèn luyện tinh thần làm việc nghiêm túc, tuân thủ quy định, và tăng cường khả năng thích ứng, chủ động phối hợp làm việc nhóm.

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT				
		2.3	3.1	3.4	5.3	13.1
CN02101	Động vật học	I	I	I	I	I

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	Chỉ báo CĐR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Áp dụng kiến thức về đặc điểm cấu tạo, sinh học, sinh thái và chu kỳ sinh sản của các nhóm động vật không xương sống vào việc triển khai các chương trình phòng chống dịch bệnh cho động vật.	2.3
K2	Vận dụng các kiến thức về đặc điểm cấu tạo, sinh học, sinh thái của các động vật có xương sống để theo dõi sức khỏe vật nuôi.	3.1
K3	Áp dụng kiến thức về đặc điểm cấu tạo, sinh học, sinh thái và chu kỳ sinh sản của các nhóm động vật vào việc nâng cao sức khỏe vật nuôi.	3.4

Kỹ năng		
K4	Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo để phán đoán tình trạng sức khỏe của vật nuôi thông qua quan sát đặc điểm hình thái và giải phẫu các mẫu động vật trong phòng thí nghiệm.	5.3
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K5	Thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường, nâng cao sức khỏe cho con người, vật nuôi thông qua công tác phòng chống dịch bệnh cho người và vật nuôi	13.1

IV. Nội dung tóm tắt của học phần

CN02101. Động vật học (Zoology) (3TC: 2 -1 -9). **Nội dung:** Học phần gồm 10 chương trình bày về các đặc điểm chung, đặc điểm cấu tạo, hoạt động sinh lý và hệ thống phân loại của các ngành động vật (Các ngành Động vật nguyên sinh; Ngành Động vật thân lỗ; Ngành Ruột túi và Sứa lược; Ngành Giun dẹp; Nhóm ngành Giun tròn; Ngành Giun đốt; Ngành Thân mềm; Ngành Chân khớp; Ngành Da gai; Ngành Dây sống). Học phần gồm 03 bài thực hành về động vật không xương sống và 03 bài thực hành về động vật có xương sống:

Bài 1: Quan sát Trùng tơ và Sán lá ruột lợn

Bài 2: Quan sát Giun đũa và và giải phẫu Giun đất

Bài 3: Giải phẫu Ốc và Gián nhà

Bài 4: Giải phẫu Cá chép vàẾch đồng

Bài 5: Giải phẫu Gà nhà

Bài 6: Giải phẫu Thỏ nhà

V. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

Bảng 1: Phương pháp giảng dạy

KQHTMD \ PPGD	K1	K2	K3	K4	K5
Thuyết giảng	x	x	x		x
Thực hành	x	x	x	x	x

2. Phương pháp học tập

- Sinh viên tự đọc tài liệu
- Sinh viên tham gia nghe giảng, tìm tài liệu, thảo luận, đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên.
- Sinh viên tiến hành các thao tác thực hành dưới sự hướng dẫn của giảng viên

VI. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải dự ít nhất 75% số tiết lý thuyết của học phần.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc Giáo trình và sách tham khảo ở nhà trước khi đến lớp học.

- Thuyết trình và Thảo luận: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tích cực thảo luận trên lớp, tự chuẩn bị thuyết trình các chủ đề được giao.
- Thực hành: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia nội dung thực hành theo quy định
- Thi giữa kì: Sinh viên vắng mặt sẽ không được thi lại (trừ lý do bất khả kháng)
- Thi cuối kì: Theo quy định hiện hành

VII. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

- Điểm quá trình: 40%
 - + Tham dự lớp: 10%
 - + Kiểm tra giữa kỳ: 30%
 - + Thực hành: 0%
- Điểm thi cuối kì: 60%

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 2. Ma trận đánh giá

KQHTMD	K1	K2	K3	K4	K5	Thời gian/tuần học
Đánh giá quá trình (40%)						
Rubric 1. Chuyên cần (10%)					x	1-10
Rubric 2. Thực hành (điều kiện)	x	x	x	x	x	Theo lịch của Học viện
Rubric 3. Thi giữa kỳ (30%)	x		x			5-10
Đánh giá cuối kì (60%)						
Rubric 4. Thi cuối kì (60%)	x	x	x			Theo lịch thi của Học viện

Rubric 1. Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4	Trung bình 4.0 – 6.4	Kém 0 – 3.9 điểm
----------	--------------	----------------------	------------------	-------------------------	---------------------

			điểm	điểm	
Thái độ tham dự	50	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/không tham gia
Thời gian tham dự	50	Vắng ≤ 10%	Vắng ≤ 15%	Vắng ≤ 25% (không có lý do) hoặc Vắng ≤ 30% (có lý do)	Vắng >25% (không có lý do) hoặc Vắng >30% (có lý do)

Rubric 2. Đánh giá thực hành

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thái độ tham dự	20	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Không tham gia thảo luận và chia sẻ
Kết quả thực hành	40	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu
	30	Giải thích và chứng minh rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh không rõ ràng
Báo cáo thực hành	10	Đúng format và đúng hạn	Điểm tùy theo mức độ đáp ứng		

Bảng 3. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần

KQHTMĐ	Chỉ báo thực hiện KQHTMĐ
K1	<p>Chỉ báo 1: Trình bày đặc điểm cấu tạo, hoạt động sống của các ngành Động vật Nguyên sinh. Vận dụng kiến thức về chu kỳ sinh sản – phát triển của các động vật nguyên sinh ký sinh gây bệnh trên người và gia súc để phòng chống dịch bệnh cho người và vật nuôi.</p> <p>Chỉ báo 2: Trình bày đặc điểm cấu tạo, sinh học, sinh thái và hệ thống phân loại của các ngành động vật không xương sống. Vận dụng kiến thức về đặc tính sinh học, sinh thái của mỗi ngành, mỗi lớp trong ngành để phòng chống dịch bệnh cho động vật.</p>
K2	Chỉ báo 3: Trình bày đặc điểm cấu tạo, sinh học, sinh thái và phân loại của ngành Dây sống. Vận dụng kiến thức về đặc tính sinh học, sinh thái học

	của các lớp trong ngành để theo dõi sức khỏe vật nuôi.
K3	Chi báo 4: Vận dụng các kiến thức về đặc điểm cấu tạo, sinh học, sinh thái của các ngành động vật và chu kỳ sinh sản – phát triển của các đại diện thường gây bệnh cho vật nuôi để nâng cao sức khỏe vật nuôi.

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Lý thuyết: Có mặt trên lớp học lý thuyết ít nhất 75% số tiết quy định.

Thực hành: Tất cả sinh viên phải tham gia thực hành một cách chủ động, tích cực, đúng giờ và nộp báo cáo đầy đủ.

Tham dự các bài thi: Không tham gia bài thi giữa kỳ, cuối kỳ sẽ nhận điểm không và không được kiểm tra/thi lại (trừ lý do bất khả kháng).

Yêu cầu về đạo đức: Sinh viên đến lớp học cần ăn mặc gọn gàng, thanh lịch, có thái độ tôn trọng, lễ phép và cư xử đúng mực với thầy cô và bạn học. Không sử dụng điện thoại và nói chuyện riêng trong lớp.

VIII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* Sách giáo trình/Bài giảng:

- Nguyễn Thị Vinh, Dương Thu Hương, Nguyễn Thị Nguyệt, Trần Bích Phương. 2022. **Giáo trình Động vật học**. NXB Nông nghiệp Hà Nội.

* Tài liệu tham khảo khác:

- Lê Vũ Khôi. 2015. **Giáo trình động vật học có xương sống**. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Thái Trần Bái. 2007. **Giáo trình động vật học không xương sống**. NXB Đại học Sư phạm.
- Đỗ Văn Nhượng. 2016. **Thực hành Động vật học không xương sống**. NXB Đại học Sư phạm
- Trần Hồng Việt, Nguyễn Hữu Dục và Lê Nguyên Ngật. 2017. **Thực hành động vật có xương sống**. NXB Đại học sư phạm.
- Mai Văn Hưng. 2015. **Sinh học phát triển cá thể động vật**. NXB Đại học Sư phạm

IX. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
PHẦN LÝ THUYẾT (30 tiết)		
1	Chương 1: Các ngành Động vật nguyên sinh (Protozoa).	K1, K3, K5
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết) 1.1. Đặc điểm cấu tạo và hoạt động sinh lý của Động vật nguyên sinh 1.2. Phân loại Động vật nguyên sinh 1.2.1. Động vật nguyên sinh có chân giả: Đặc điểm cơ bản, đặc điểm sinh học-sinh thái 1.2.2. Động vật nguyên sinh có Roi bơi: Đặc điểm cơ bản, đặc điểm	

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
	<p>sinh học-sinh thái</p> <p>1.2.3. Động vật nguyên sinh có Bào tử: Đặc điểm cơ bản, đặc điểm sinh học-sinh thái</p> <p>1.2.4. Động vật nguyên sinh có Lông bơi: Đặc điểm cơ bản, đặc điểm sinh học-sinh thái</p> <p>1.3. Chủng loại phát sinh của Động vật nguyên sinh</p> <p>1.4. Chu kì sinh sản phát triển của một số đại diện động vật Nguyên sinh có ý nghĩa đối với nghề nghiệp</p>	
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết)</p> <p>1.5. Sinh viên tự đọc tài liệu phần của chương và trả lời các câu hỏi cuối chương và tìm tài liệu tham khảo để chuẩn bị cho bài tiểu luận.</p>	K1, K3, K5
2	<p>Chương 2: Ngành Động vật thân lỗ (Porifera).</p> <p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (1 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (1 tiết)</p> <p>2.1 Đặc điểm và nguồn gốc phát sinh của động vật đa bào. 2.2 Đặc điểm của ngành. Các đại diện và ý nghĩa của chúng. 2.3 Chủng loại phát sinh của ngành Thân lỗ</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 tiết) Sinh viên tự đọc tài liệu phần của chương và trả lời các câu hỏi cuối chương.</p> <p>Chương 3: Ngành Ruột túi (Coelenterata), Sứa lược (Ctenophora).</p> <p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (2 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (2 tiết)</p> <p>3.1 Đặc điểm của các ngành Ruột túi và Sứa lược. 3.2 Phân loại và đặc điểm chu kỳ sống của một số đại diện. 3.3 Chủng loại phát sinh của ngành.</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) Sinh viên tự đọc tài liệu phần của chương và trả lời các câu hỏi cuối chương.</p>	K1, K3, K5
3	<p>Chương 4: Ngành Giun dẹp (Plathelminthes).</p> <p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết)</p> <p>4.1. Đặc điểm cấu tạo của ngành Giun dẹp. 4.2. Phân loại ngành Giun dẹp. 4.3. Chủng loại phát sinh của ngành giun dẹp. 4.4. Đặc điểm sinh học và sinh thái của các lớp Sán tơ, Sán lá và</p>	K1, K3, K5

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
	Sán dây.	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) Sinh viên tự đọc tài liệu phần của chương và trả lời các câu hỏi cuối chương.	K1, K3, K5
4	Chương 5: Các ngành động vật có thể xoang giả (Pseudocoelomata)	
	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (2 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (2 tiết) 5.1 Đặc điểm chung của nhóm ngành Giun tròn. Phân loại nhóm ngành Giun tròn. 5.2 Đặc điểm sinh học và sinh thái của ngành Giun tròn; ý nghĩa thực tiễn. 5.3 Đặc điểm và ý nghĩa của các ngành: Giun tơ bụng; Giun cước, Giun bánh xe, Giun đầu gai. 5.4 Chủng loại phát sinh của nhóm ngành Giun tròn. 5.5. Đặc điểm sinh học và sinh thái của một số loài giun tròn ký sinh	K1, K3, K5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) Sinh viên tự đọc tài liệu phần của chương và trả lời các câu hỏi cuối chương.	K1, K3, K5
4-5	Chương 6: Ngành Giun đốt (Annelida)	
	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (2 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (2 tiết) 6.1 Đặc điểm cấu tạo của ngành Giun đốt. Phân loại ngành Giun đốt. 6.2 Đặc điểm và ý nghĩa của các lớp Giun nhiều tơ, Giun đốt và Địa. 6.3 Chủng loại phát sinh ngành Giun đốt	K1, K3, K5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) Sinh viên tự đọc tài liệu phần của chương và trả lời các câu hỏi cuối chương.	K1, K3, K5
5	Chương 7: Ngành Thân mềm (Mollusca).	
	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (2 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (2 tiết) 7.1 Đặc điểm cấu tạo của ngành Thân mềm. Phân loại ngành Thân mềm. 7.2 Chủng loại phát sinh ngành Thân mềm. 7.3 Đặc điểm sinh học-sinh thái và ý nghĩa của các lớp Hai vỏ,	K1, K3, K5

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
	Chân bụng và Chân đầu.	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) Sinh viên tự đọc tài liệu phân của chương và trả lời các câu hỏi cuối chương.	K1, K3, K5
6	Chương 8: Ngành Chân khớp (Arthropoda). A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết) 8.1 Đặc điểm cấu tạo của ngành Chân khớp. Phân loại ngành Chân khớp 8.2 Đặc điểm của các phân ngành Có kìm, Có mang và Có ống khí. 8.3 Chủng loại phát sinh ngành Chân khớp. 8.4. Đặc điểm cấu tạo và hoạt động sống của Hình nhện, Giáp xác và Côn trùng	K1, K3, K5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) Sinh viên tự đọc tài liệu phân của chương và trả lời các câu hỏi cuối chương.	K1, K3, K5
7	Chương 9: Ngành Da gai (Echinodermata). A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (1 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (1 tiết) 9.1. Đặc điểm cấu tạo của ngành Da gai 9.2. Chủng loại phát sinh ngành Da gai.	K1, K3, K5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 tiết) Sinh viên tự đọc tài liệu phân của chương và trả lời các câu hỏi cuối chương.	K1, K3, K5
7	Chương 10: Ngành động vật Dây sống (Chordata). A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (2 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (2 tiết) 10.1. Đặc điểm chung, phân loại và chủng loại phát sinh động vật dây sống. 10.2. Đặc điểm cấu tạo cơ bản của phân ngành Sống đuôi 10.3. Đặc điểm cấu tạo cơ bản của phân ngành Sống đầu	K2, K3, K5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) Sinh viên tự đọc tài liệu phân của chương và trả lời các câu hỏi cuối chương	K2, K3, K5
8-10	Chương 11: Phân ngành động vật có xương sống (Vertebrata) A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (9 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (9 tiết) 11.1. Đặc điểm cấu tạo cơ bản của phân ngành Có xương sống	K2, K3, K5

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
	11.2. Phân loại phân ngành động vật có xương sống 11.2.1. Đặc điểm cấu tạo, hoạt động sống và phân loại liên lớp Cá 11.2.1. Đặc điểm cấu tạo, hoạt động sống và phân loại lớp Lưỡng cư 11.2.2. Đặc điểm cấu tạo, hoạt động sống và phân loại lớp Bò sát 11.2.3. Đặc điểm cấu tạo, hoạt động sống và phân loại lớp Chim 11.2.4. Đặc điểm cấu tạo, hoạt động sống và phân loại lớp Thú	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (27 tiết) Sinh viên tự đọc tài liệu phân của chương và trả lời các câu hỏi cuối chương và tìm tài liệu tham khảo để chuẩn bị cho bài tiểu luận và seminar.	K2, K3, K5
PHẦN THỰC HÀNH (15 tiết)		
Theo sự sắp xếp của Ban Quản lý đào tạo	Bài 1: Quan sát Trùng tơ và Sán lá ruột lợn A/ Tóm tắt các nội dung thực hành: (2,5 tiết) <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm cấu tạo và hoạt động sống của trùng đế giày - Đặc điểm cấu tạo của Sán lá ruột lợn B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (7,5 tiết) Sinh viên tự đọc tài liệu về nội dung thực hành	K1, K3, K4, K5
	Bài 2: Quan sát Giun đũa lợn và Giun đất A/ Tóm tắt các nội dung thực hành: (2,5 tiết) <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm cấu tạo của Giun đũa lợn - Giải phẫu Giun đất B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (7,5 tiết) Sinh viên tự đọc tài liệu về nội dung thực hành	K1, K3, K4, K5
	Bài 3: Giải phẫu Ốc nhồi và Gián Nhà A/ Tóm tắt các nội dung thực hành: (2,5 tiết) <ul style="list-style-type: none"> - Giải phẫu Ốc nhồi - Giải phẫu Gián nhà B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (7,5 tiết) Sinh viên tự đọc tài liệu về nội dung thực hành	K1, K3, K4, K5
	Bài 4: Giải phẫu Cá chép và Éch đồng A/ Tóm tắt các nội dung thực hành: (2,5 tiết) <ul style="list-style-type: none"> - Giải phẫu Cá chép - Giải phẫu Éch đồng B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (7,5 tiết) Sinh viên tự đọc tài liệu về nội dung thực hành	K2, K3, K4, K5
	Bài 5: Giải phẫu Gà nhà A/ Tóm tắt các nội dung thực hành: (2,5 tiết)	K2, K3, K4, K5

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
	- Giải phẫu Gà nhà B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (7,5 tiết) Sinh viên tự đọc tài liệu về nội dung thực hành	
	Bài 6: Giải phẫu Thỏ nhà A/ Tóm tắt các nội dung thực hành: (2,5 tiết) - Giải phẫu thỏ nhà B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (7,5 tiết) Sinh viên tự đọc tài liệu về nội dung thực hành	K2, K3, K4, K5

X. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học, thực hành: gọn gàng, sạch đẹp và có thể truy cập Internet. Quy mô học lý thuyết do lịch của Học viện sắp xếp, quy mô thực hành 25 sinh viên/nhóm thực hành.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: có đầy đủ máy chiếu projector tốt, có bảng chiếu, bảng viết phấn, máy tăng âm, có hệ thống loa phát để xem băng hình, hệ thống dây ổ điện và phích cắm.

P. TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

[Handwritten signature]
Dương Thu Hương

TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

[Handwritten signature]

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN
(Ký và ghi rõ họ tên)

[Handwritten signature]
Dương Thu Hương

KT. GIÁM ĐỐC
(Ký và ghi rõ họ tên)
[Handwritten signature]

PHẠM VĂN CƯỜNG

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần:

Họ và tên: Nguyễn Thị Vinh	Học hàm, học vị: TS.
Địa chỉ cơ quan: Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0966799296
Email: ntvinh@vnua.edu.vn	Trang web: http://channuoi.vnua.edu.vn/vi/
Cách liên lạc với giảng viên:	Email, điện thoại (trong giờ hành chính)

Họ và tên: Nguyễn Thị Nguyệt	Học hàm, học vị: GVC. ThS
Địa chỉ cơ quan: Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0982455031
Email: ntnguyet@vnua.edu.vn	Trang web: http://channuoi.vnua.edu.vn/vi/
Cách liên lạc với giảng viên:	Email, điện thoại (trong giờ hành chính)

Họ và tên: Dương Thu Hương	Học hàm, học vị: TS.
Địa chỉ cơ quan: Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0982013185
Email: duongthuhuong@vnua.edu.vn	Trang web: http://channuoi.vnua.edu.vn/vi/
Cách liên lạc với giảng viên:	Email, điện thoại (trong giờ hành chính)

Họ và tên: Trần Bích Phương	Học hàm, học vị: ThS.
Địa chỉ cơ quan: Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 01642046657
Email: tbphuong@vnua.edu.vn	Trang web: http://channuoi.vnua.edu.vn/vi/
Cách liên lạc với giảng viên:	Email, điện thoại (trong giờ hành chính)

BẢNG TÓM TẮT TƯƠNG THÍCH GIỮA KQHTMĐ, DẠY- HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ

KQHTMĐ	K1	K2	K3	K4	K5
DẠY VÀ HỌC					
Thuyết trình	x	x	x		x
Thực hành	x	x	x	x	x
ĐÁNH GIÁ					
Rubric 1. Tham dự lớp					x
Rubric 2. Thực hành	x	x	x	x	
Rubric 3. Kiểm tra giữa kì	x		x		
Rubric 4. Thi cuối kì	x	x	x		

CÁC ĐỢT CẢI TIẾN

Lần 1 (7/2018):

- Cập nhật thông tin về các loài mới trên thế giới và trong nước để đưa vào hệ thống phân loại của các ngành
- Phân bổ lại nội dung các bài thực tập cho phù hợp với thời gian thực hành của sinh viên
- Đưa phần mềm E-Learning vào giảng dạy

Lần 2 (7/2019):

- Cập nhật thông tin về các loài mới trên thế giới và trong nước để đưa vào hệ thống phân loại của các ngành
- Bổ sung một số mô hình giải phẫu động vật phục vụ nội dung thực hành

Lần 3 (7/2020):

- Cập nhật thông tin về các loài mới trên thế giới và trong nước để đưa vào hệ thống phân loại của các ngành
- Bổ sung một số mô hình giải phẫu động vật phục vụ nội dung thực hành
- Bổ sung bài giảng
- Sử dụng MS Teams trong giảng dạy học phần

Lần 4 (7/2021):

- Cập nhật thông tin về các loài mới trên thế giới và trong nước để đưa vào hệ thống phân loại của các ngành
- Sử dụng MS Teams trong giảng dạy và đánh giá học phần

Lần 5 (7/2022)

- Cập nhật thông tin về các loài mới trên thế giới và trong nước để đưa vào hệ thống phân loại của các ngành